TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Thành

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị THg Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ: Ông Nguyễn Văn Thuân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2020/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2020 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 08/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Tiến D; Địa chỉ: , tổ dân phố 05 (nay là tổ 3) phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt);

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Hg; Địa chỉ: tổ dân phố 05 (nay là tổ 3) phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Tiến D trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Bùi Tiến D kết hôn với bà Đỗ Thị Hg vào ngày 30/12/1989, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Lê Lợi, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên), hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, ông D và bà Hg về chung sống với nhau hòa T hạnh phúc được một thời gian dài, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, quan điểm sống bất đồng từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện tại ông D và bà Hg đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông D được ly hôn

với bà Hg để giải phóng cho cả hai bên. Qua phiên hòa giải lần một ông D đã xin từ chối hòa giải vì ông D cho rằng tình cảm vợ chồng thực sự không còn, có hoà giải nhiều lần cũng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, trước đó đã có lần ông D gửi đơn ra Tòa xin ly hôn với bà Hg, Tòa án đã hòa giải phân tích ông D đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ vụ án, vợ chồng quay về sống chung nhưng từ đó đến này càng mâu thuẫn nặng hơn.

- Về con chung: Ông D và bà Hg có 02 con chung là cháu Bùi Minh T sinh ngày 04/5/1991 và cháu Bùi Thái D - sinh ngày 08/7/2000. Các cháu đã khôn lớn, phát triển bình thường, khỏe mạnh, trưởng thành. Vì vậy ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đỗ Thị Hg trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Hg kết hôn với ông Bùi Tiến D vào ngày 30/12/1989, đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên), hai người kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hai người về chung sống với nhau hòa T hạnh phúc được một thời gian dài sau đó phát sinh mâu thuẫn, hiện tại bà Hg thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông D có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, từ đó sống lạnh nhạt, coi thường bà Hg, nhưng chỉ vì bà Hg giữ sĩ diện cho ông D nên bà Hg không muốn làm to chuyện, hiện bà Hg đã lớn tuổi, không muốn gia đình tan vỡ, bà Hg bỏ qua lỗi lầm của ông D vì vậy bà Hg không đồng ý ly hôn với ông D. Bà Hg muốn giữ gia đình các con có cả bố và mẹ. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng quay lại đoàn tụ, chung sống với nhau, chăm sóc nhau lúc tuổi già.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Minh T sinh ngày 04/5/1991 và cháu Bùi Thái D - sinh ngày 08/7/2000. Các cháu đã khôn lớn khỏe mạnh, trưởng thành. Vì vậy bà Hương không yêu cầu tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến D về việc Ly hôn.

Về hôn nhân: Ông Bùi Tiến D được ly hôn với bà Đỗ Thị Hg.

Về con chung: Không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ về yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Ông Bùi Tiến D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn bà Đỗ Thị Hg có địa chỉ cư trú tại phường N, thành phố Đ nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1 Về hôn nhân: Ông Bùi Tiến D và bà Đỗ Thị Hg kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lê Lợi, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu cũ (nay là tỉnh Điện Biên), nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, tính tình giữa hai người không hòa hợp. Ngoài ra bà Hg còn cho rằng ông D còn có quan hệ với người phụ nữ khác (nhưng bà Hg không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì về việc này) từ đó vợ chồng sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện tại hai người đã sống ly thân mỗi người một nơi và không ai quan tâm đến ai. Về phía bà Hg cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nhưng nay ông bà tuổi đã cao bà không muốn ly hôn để giữ gia đình cho các con có cả bố và mẹ. Về phía ông D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cuộc sống chung cứ kéo dài sợ những lúc hai bên không kiềm chế và bình tĩnh được thì điều đáng tiếc sẽ xảy ra. Hơn nữa tình cảm đơn pHg không mang lại hạnh phúc cho nhau. Ông D thấy rằng hòa giải hoặc kéo dài vụ án cũng không có kết quả vì vậy ông D đã từ chối hòa giải.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà Hg đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho ông D được ly hôn với bà Hg là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Ông D và bà Hg có 02 con chung là cháu Bùi Minh T sinh ngày 04/5/1991 và cháu Bùi Thái D - sinh ngày 08/7/2000. Các cháu đã khôn lớn khỏe mạnh, trưởng thành. Hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy tại phiên tòa HĐXX không đề cập giải quyết.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ông Bùi Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về pháp luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến D về việc: "*Ly hôn"*.

- Về hôn nhân: Ông Bùi Tiến D được ly hôn với bà Đỗ Thị Hg.

- Về con chung: Không đề cập giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Không đề cập giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Bùi Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số AA/2020/0000383 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (ông D đã nộp đủ).

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, ông Bùi Tiến D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/01/2021). Bà Đỗ Thị Hg vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Hà Thị Tám